

Số: 219 /TB-TTYT
V/v thông báo mời chào giá in
ấn phẩm năm 2025

Cao Lãnh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá in ấn phẩm năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 210/KH-TTYT, ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Trung tâm Y tế về in ấn phẩm năm 2025;

Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu in ấn phẩm năm 2025 của đơn vị, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh.
- Địa chỉ: Số 20, đường 30/4, khóm Mỹ Tây, Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh.
- Địa chỉ: Số 20, đường 30/4, khóm Mỹ Tây, Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Số điện thoại: 02773 920 617
- Email: ttythcl@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận báo giá theo địa chỉ: Số 20, đường 30/4, khóm Mỹ Tây, Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 14 tháng 02 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 25 tháng 02 năm 2025 (Trong giờ hành chính).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục in ấn phẩm (kèm theo danh mục)

Tổng cộng: 77 mặt hàng gồm hồ sơ bệnh án, phiếu, sổ

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh.

- Địa chỉ: Số 20, đường 30/4, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Trang thông tin điện tử của TTYT;
- Lưu: VT, KH-NV.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Diễn

DANH MỤC IN ẤN PHẨM NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTYT, ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh)

TT	Tên hồ sơ	Chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bệnh án Nội khoa	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	16.000
2	Bệnh án Nhi khoa	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	7.500
3	Bệnh án Truyền nhiễm	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	8.000
4	Bệnh án Phụ khoa	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	500
5	Bệnh án Sản khoa	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	500
6	Bệnh án Sơ sinh	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	550
7	Bệnh án Ngoại khoa	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	9.000
8	Bệnh án Ngoại trú chung	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	800
9	Bệnh án Ngoại trú Răng Hàm Mặt	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	1.200
10	Bệnh án Nội trú Y học cổ truyền	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	500
11	Bệnh án Ngoại trú Y học cổ truyền	Giấy A 3 - 2 mặt - Gấp đôi ngang	Tờ	300
12	Bìa BA ngoại trú YHCT	Giấy A 3 - Gấp đôi ngang - đóng kim 01 tờ ruột (Bìa cứng màu trắng)	Tờ	300
13	Bìa BA nội trú YHCT	Giấy A 3 - Gấp đôi ngang - đóng kim 01 tờ ruột (Bìa cứng màu trắng)	Tờ	500
14	Phiếu điều trị (dành cho bệnh án YHCT)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	7.000
15	Bìa bệnh án chung	Giấy A 3 - Gấp đôi ngang - đóng kim 01 tờ ruột (Bìa cứng màu trắng)	Tờ	27.200
16	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	4.000
17	Phiếu khám chuyên khoa	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	7.200
18	Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	500
19	Phiếu theo dõi truyền dịch	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	19.200
20	Phiếu chiếu/ chụp X-quang	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	31.200

21	Phiếu siêu âm (Màu)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	30.700
22	Phiếu điện tim	Giấy A 3 - Gấp đôi	Tờ	24.950
23	Phiếu điện não	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	100
24	Phiếu nội soi	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	500
25	Phiếu đo chức năng hô hấp	Giấy A 5 - in 1 mặt	Tờ	100
26	Phiếu xét nghiệm (chung)	Giấy A 5 - in 1 mặt	Tờ	35.100
27	Phiếu xét nghiệm Huyết học	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	37.600
28	Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu (Màu)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	40.200
29	Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	9.550
30	Trích biên bản hội chẩn	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	8.450
31	Phiếu khám bệnh vào viện (chung)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	27.400
32	Phiếu theo dõi điều trị	Giấy A 3 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	61.700
33	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 1 từ 2 chung	Giấy A 3 - in 2 mặt	Tờ	2.000
34	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2, 3 từ 1 chung	Giấy A 3 - in 2 mặt	Tờ	32.000
35	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2, 3 từ 2 chung	Giấy A 3 - in 2 mặt	Tờ	65.000
36	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2 từ 1 (Sản)	Giấy A 3 - in 2 mặt	Tờ	500
37	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2 từ 2 (Sản)	Giấy A 3 - in 2 mặt	Tờ	1.000
38	Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	22.000
39	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	24.500
40	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	4.100

41	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh tại khoa hồi sức tích cực	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	15.000
42	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sỹ)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	27.500
43	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	27.500
44	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	6.100
45	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khíchua kết thúc việc chữa bệnh)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	10.200
46	Phiếu điều trị trẻ sơ sinh sau sinh	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	50
47	Phiếu khám thai	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	500
48	Phiếu lượng giá phục hồi chức năng Mẫu 01	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	2.000
49	Phiếu lượng gia phục hồi chức năng Mẫu 02	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	2.000
50	Phiếu lượng gia phục hồi chức năng Mẫu 03	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	2.000
51	Phiếu khám sức khoẻ trên 18 tuổi (TT 32)	Giấy A 3 gấp đôi	Tờ	4.000
52	Phiếu khám sức khoẻ dưới 18 tuổi (TT 32)	Giấy A 3 gấp đôi	Tờ	2.000
53	Sổ khám sức khoẻ định kỳ (TT 32)	Giấy A 3 gấp đôi	Cuốn	1.000
54	Phiếu khám sức khoẻ lái xe chuyên dùng (TT 36)	Giấy A 3 gấp đôi	Tờ	200
55	Phiếu khám bệnh người lớn	Giấy A 4 - in 2 mặt ngang gấp đôi (Bìa xanh cứng)	Tờ	50.500
56	Phiếu khám bệnh trẻ em	Giấy A 4 - in 2 mặt gấp đôi (Bìa màu hồng cứng)	Tờ	8.000
57	Đơn thuốc	Giấy A 5 - in 1 mặt	Tờ	12.800
58	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực (50 tờ)	Giấy A 3 gấp đôi	Cuốn	27
59	Bệnh án tay- chân -miệng	Giấy A 3 in 2 mặt gấp đôi	Tờ	2.100

60	Lệnh điều xe (A4 giấy ngang) 1 mặt 50 tờ	Giấy A 4 - in 1 mặt - Giấy ngang	Cuốn	30
61	Sổ biên bản hội chẩn (100 tờ)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Cuốn	42
62	Sổ bàn giao NB chuyển viện (50 tờ)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Cuốn	35
63	Sổ lãnh thuốc nghiệm- hướng tâm thần	Giấy A 3 gấp đôi	Cuốn	35
64	Giấy chuyển tuyến BHYT (mẫu 06)	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	13.200
65	Phiếu công khai DV khám chữa bệnh nội trú	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	53.000
66	Phiếu hướng dẫn theo dõi chấn thương đầu	Giấy A 5 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	4.500
67	Phiếu tóm tắt điều trị THA	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	10.000
68	Phiếu tóm tắt điều trị ĐTD	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	10.000
69	Bao phim X-quang	Giấy A 3 - in 2 mặt ngang gấp đôi, màu vàng	Cái	25.000
70	Phiếu tóm tắt điều trị SXH	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	2.000
71	Phiếu tóm tắt điều trị TCM	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	1.000
72	Phiếu đánh giá dinh dưỡng TE	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	3.500
73	Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày	Giấy A 2 - in 2 mặt gấp đôi (Bìa cứng màu trắng)	Cuốn	23
74	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (Dùng cho người bệnh > 18 tuổi, không mang thai)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	6.500
75	Phiếu khám bệnh vào viện (CK RHM)	Giấy A 4 - in 1 mặt - giấy xuôi	Tờ	1.200
76	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Tờ	3.700
77	Sổ thường trực	Giấy A 4 - in 2 mặt - giấy xuôi	Cuốn	45
	Tổng cộng: 77			